TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẢO LÂM** **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **123**/2017/QĐST-HNGĐ	*Bảo Lâm, ngày 20 tháng 9 năm 2017*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 160/2017/TLST/HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2017, giữa:

Nguyên đơn: Chị **Trần Thị T,** sinh năm 1977

Địa chỉ: Xóm 5, thôn 7, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng

Bị đơn: Anh **Nguyễn B**, sinh năm 1967

Địa chỉ: Xóm 5, thôn 7, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 12 tháng 9 năm 2017.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 12 tháng 9 năm 2017 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Chị **Trần Thị T** và anh **Nguyễn B.**

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể N sau:

- Về con chung: Giao con chung là Nguyễn B1, sinh ngày 10/5/2003 cho chị Trần Thị T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi. Giao con chung là Nguyễn Thị Quỳnh N, sinh ngày 07/6/2006 cho anh Nguyễn B trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi. Chị T và anh B không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Đối với con chung là Nguyễn B2, sinh năm 1994 và Nguyễn B3, sinh năm 1999 đã trên 18 tuổi và tự lao động được nên chị T và anh B không yêu cầu giải quyết.

Quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

- Về tài sản chung: Chị Trần Thị T và anh Nguyễn B tự thỏa thuận và không yêu cầu giải quyết.

- Về án phí: Chị Trần Thị T nộp 150.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị T đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2015/0004829 ngày 08 tháng 8 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng, hoàn trả lại cho chị T 150.000 đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2015 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2015.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Bảo Lâm;
- UBND xã L;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN
(đã ký)
Nguyễn Thị Bích Thủy